

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Kế toán

Mã số: 7340301

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

| | |
|---|-----------------------------------|
| 1.1 Mã học phần: 081009 | 1.2 Tên học phần: TOEIC 1 |
| 1.3 Ký hiệu học phần: | 1.4 Tên tiếng Anh: TOEIC 1 |
| 1.5 Số tín chỉ: | 02 |
| 1.6 Phân bố thời gian: | |
| - Lý thuyết: | 30 tiết |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | |
| - Tự học: | 60 tiết |
| 1.7 Các giảng viên phụ trách học phần: | |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Trần Thị Tuyết Mai |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | |
| 1.8 Điều kiện tham gia học phần: | |
| - Học phần tiên quyết: | Anh văn căn bản |
| - Học phần học trước: | |
| - Học phần song hành: | |

2. Mô tả học phần:

- Học phần này nhằm giúp cho sinh viên làm quen với hình thức bài thi TOEIC , bước đầu làm quen các kỹ năng làm bài . Những kiến thức cơ bản gồm: Listening, Reading cùng các cấu trúc ngữ pháp cũng như từ vựng.
- Điều kiện tiên quyết: người học nắm được một số kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cơ bản để có thể nghe và trả lời các câu hỏi cơ bản của người dạy bằng tiếng Anh trong quá trình học.

3. Mục tiêu HP (Goals)

| Mục tiêu (Goals) | Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:) | Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs) |
|---------------------|---|-----------------------------|
| G1 | Các từ vựng và phát triển những khả năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) | PLO1,7 |

| | | |
|----|--|-------------|
| G2 | Cách phát âm đúng những từ, câu căn bản bằng tiếng Anh theo chủ đề của giáo trình luyện thi TOEIC. | PLO1,7 |
| G3 | Biết ứng dụng các tình huống, giao tiếp trong sinh hoạt hàng ngày bằng tiếng Anh | PLO1,7,9-12 |
| G4 | Cách làm bài thi TOEIC | PLO1,7 |

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes-CLOs)

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

| CDR của học phần (CLOs) | Mô tả CLOs (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:) |
|-------------------------|---|
| CLO 1 | Sử dụng được các Auxiliary Verbs |
| CLO 2 | Sử dụng được các Tenses |
| CLO 3 | Sử dụng được các Infinitive and Gerunds |
| CLO 4 | Sử dụng được các Participles and Participle Clauses |
| CLO 5 | Sử dụng được các Negation and Parallel Structure |
| CLO 6 | Sử dụng được các Comparisons |

5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế...(mức M) hay mức thuần thục (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CDR của chương trình (PLOs)

| Chuẩn đầu ra HP (CLOs) | Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs) | | | | | | | | | | | |
|------------------------|--------------------------------------|---|---|---|---|---|----------|---|----------|----------|----------|----------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| CLO1 | L | | | | | | M | | M | L | L | M |
| CLO2 | L | | | | | | M | | M | L | L | M |
| CLO3 | M | | | | | | H | | M | M | M | H |
| CLO4 | M | | | | | | H | | M | H | M | H |
| CLO5 | M | | | | | | H | | M | H | M | H |
| CLO6 | H | | | | | | H | | M | H | H | H |
| Tổng hợp | M | | | | | | H | | M | H | M | H |

6. Đánh giá HP

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

| H/phần đánh giá | Trọng số | Bài đánh giá | Trọng số con | Rubric | Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1 | HD PP đánh giá |
|----------------------|----------|---|--------------|--------|------------------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| A1. Kỹ năng | 10% | Ngữ pháp | | R2 | CLO 1,2,3,4,5,6 | - GV cho SV thuyết trình phần ngữ pháp. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Bài tập lớn: Sinh viên làm một bài tập lớn về Marketing | | R1 | CLO 1,2,3,4,5 | - GV giao đề tài cho từng SV ngay từ đầu HP. |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT. | | | CLO 1,2,3,4,5,6 | |

– (7) PP đánh giá đạt CDR: Listening and Reading.

6.2. Chính sách đối với HP

– SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

| Tuần / (5 tiết/tuần) | Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số) | Số tiết (LT/T H/TT) | CDR của bài học (chương)/ chủ đề | Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1 | PP giảng dạy đạt CDR | Hoạt động học của SV(*) | Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1) |
|----------------------|--|---------------------|--|------------------------------|--|-------------------------|-------------------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| | Unit 1 | | | | | | |
| 1 | A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp | 5/0/0 | | CLO1 | | | |
| | Auxiliary verbs followed by a verb ending in <i>-ing</i> or <i>-ed</i> and the basic of form of the verb. Meaning of key Auxiliary verbs: will, shall, May/can, | | - Mô tả được hình - Hỏi và trả lời - Đối thoại ngắn - Bài nói ngắn - Hoàn chỉnh câu - Hoàn chỉnh đoạn văn | - | - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint | - Trả lời các câu hỏi | |

| | | | | | | | |
|---|--|--------|--|------|--|----------------------------------|--|
| | can/ could/ may, must, must/ have to, should/ ought to/ had better, should have/ could have + p.p ..., used to/ would. | | - Đọc hiểu | | - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm | | |
| 2 | B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà | 10/0/0 | | CLO1 | | | |
| | Chuẩn bị các từ vựng mới unit 2 | | - Trình bày các từ khoá trong phần Reading | - | - Tự học - Học nhóm | - Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà | |
| | Unit 2 | | | | | | |
| | A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp | 5/0/0 | | CLO2 | | | |
| | 12 tenses in English Present: simple, perfect, and progressive Past: simple, perfect, and progressive. Future: use of Will and Other Words with Future Meaning. | | - Mô tả được hình - Hỏi và trả lời - Đối thoại ngắn - Bài nói ngắn - Hoàn chỉnh câu - Hoàn chỉnh đoạn văn - Đọc hiểu | - | - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài - Thảo luận nhóm | - Trả lời các câu hỏi | |
| | B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà | 10/0/0 | | CLO2 | | | |
| | Chuẩn bị các từ vựng mới unit 3 | | - Trình bày các từ khoá trong phần Reading | - | - Tự học - Học nhóm | - Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà | |
| | Unit 3 | | | | | | |
| 3 | A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp | 5/0/0 | | CLO3 | | | |
| | use a to-infinitive after the following verbs: agree, decide, expect, happen, pretend, promise, manage, tend Use a to-infinitives after the following verbs plus their object: advise, allow, | | - Mô tả được hình - Hỏi và trả lời - Đối thoại ngắn - Bài nói ngắn - Hoàn chỉnh câu - Hoàn chỉnh đoạn văn - Đọc hiểu | - | - Thuyết trình, giảng giải - Trình chiếu PowerPoint - Phát biểu xây dựng bài | - Trả lời các câu hỏi | |

| | | | | | | | |
|---|--|--------|---|------|---|----------------------------------|--|
| | <p>expect, forb=1id, want, force, tell</p> <p>Use an infinitive without “to” after the following verbs plus their object: have, let, make, feel, see, hear, smell, find</p> <p>use an –ing form after the following verbs: avoid, can’t help, deny, feel like, give up, imagine, mind, postpone, enjoy</p> <p>Choosing between infinitive and gerunds</p> <p>Choosing subjects</p> | | | | - Thảo luận nhóm | | |
| | B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà | 10/0/0 | | CLO3 | | | |
| | Chuẩn bị các từ vựng mới unit 4 | | - Trình bày các từ khoá trong phần Reading | - | - Tự học - Học nhóm | - Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà | |
| | Unit 4 | | - | - | - | - | |
| 4 | A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp | 5/0/0 | | CLO4 | | | |
| | <p>Forms of participle: -ed and –ing</p> <p>If the participle of a noun is the agent</p> <p>If the participle is NOT the agent</p> <p>Participle Clauses</p> <p>An –ing form can be used when two things occur at the same time.</p> <p>An –ing form can be used when one action occurs during another action</p> <p>–ing form clause can be an explanation or</p> | | <p>- Mô tả được hình</p> <p>- Hỏi và trả lời</p> <p>- Đối thoại ngắn</p> <p>- Bài nói ngắn</p> <p>- Hoàn chỉnh câu</p> <p>- Hoàn chỉnh đoạn văn</p> <p>- Đọc hiểu</p> | - | <p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu PowerPoint</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> | - Trả lời các câu hỏi | |

| | | | | | | | |
|---|---|--------|---|------|---|----------------------------------|--|
| | <p>the following main clause</p> <p>Choose between –ing and –ed in participle clause</p> <p>Use an –ing form when the original verb is intransitive</p> <p>Use an –ing form when the original verb is transitive and when its object comes after it.</p> <p>Use an –ed form when the object of its original verb serves as the subject of the main clause.</p> | | | | | | |
| | A. Các nội dung chính SV tự học ở nhà | 0/10/0 | | CLO4 | | | |
| | Chuẩn bị các từ vựng mới unit 4 | | - Trình bày các từ khoá trong phần Reading | - | - Tự học - Học nhóm | - Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà | |
| | Unit 5 | | | | | | |
| 5 | A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp | 5/0/0 | | CLO5 | | | |
| | <p>No vs Not</p> <p>Use no as an adjective</p> <p>Use not as an adverb</p> <p>Main and Auxiliary Verbs</p> <p>Put not or never after an auxiliary verbs</p> <p>If there is no auxiliary, do-support is necessary along with not</p> <p>Non-finite verbs: To-infinites, Gerunds, and Participles</p> | | <p>- Mô tả được hình</p> <p>- Hỏi và trả lời</p> <p>- Đối thoại ngắn</p> <p>- Bài nói ngắn</p> <p>- Hoàn chỉnh câu</p> <p>- Hoàn chỉnh đoạn văn</p> <p>- Đọc hiểu</p> | - | <p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu PowerPoint</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> | - Trả lời các câu hỏi | |

| | | | | | | | |
|---|---|--------|---|------|---|-----------------------|--|
| | <p>Put a negative word before non-finite verbs</p> <p>Redundancy in Negation</p> <p>Avoid double negatives</p> <p>Do not use a negative word along with such word as hardly, seldom, scarcely, lest, unless.</p> <p>Parallel Structure</p> <p>Parallelism between two or more words</p> <p>Parallelism between two or more phrases</p> | | | | | | |
| | B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà | 0/10/0 | | CLO5 | | | |
| | Chuẩn bị các từ vựng mới unit 6 | | - Trình bày các từ khoá trong phần Reading | - | - Tự học - Học nhóm | - Chuẩn bị tốt ở nhà | |
| | Unit 6 | | | | | | |
| 6 | A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp | 5/0/0 | | CLO6 | | | |
| | <p>Regular Comparison</p> <p>When comparing things, short adjectives (one or two syllables) end in –er/-est.</p> <p>For long adjective (three or more syllables) used in comparisons, place more, most, less or least before the adjective.</p> <p>Irregular Comparison</p> <p>A few adjectives and adverbs have</p> | | <p>- Mô tả được hình</p> <p>- Hỏi và trả lời</p> <p>- Đối thoại ngắn</p> <p>- Bài nói ngắn</p> <p>- Hoàn chỉnh câu</p> <p>- Hoàn chỉnh đoạn văn</p> <p>- Đọc hiểu</p> | - | <p>- Thuyết trình, giảng giải</p> <p>- Trình chiếu PowerPoint</p> <p>- Phát biểu xây dựng bài</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> | - Trả lời các câu hỏi | |

| | | | | | | | |
|---------------|--|--|--|------------------|--|--|--|
| | <p>comparative and superlative forms that are different from their regular forms.</p> <p>As – As Comparison</p> <p>Only the regular form of an adjective or adverbs comes between <i>as</i> and <i>as</i></p> <p>Modification of Comparatives</p> <p>Comparatives can be modified by the following words: much, very much, far, a little, a bit, a lot, any, no, even, still.</p> <p>Choice between comparatives and superlatives</p> <p>Choose a comparative form if <i>than</i> appears in the sentence; The presence of ever, (of) all, possbles, in the world í a strong suggestion that a superlative is needed.</p> | | | | | | |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM | | | CLO1, 2,3,4,5, 6 | | | |

(*) **Ghi chú:**

- Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng unit.
- PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp giảng dạy trong CTĐT ngành CNTT.
- Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8. Học liệu:

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

| Nhan đề | Tác giả | NXB | Năm XB | Loại tài liệu |
|---|-------------|------------|--------|---------------|
| Starter Toeic | Anne Taylor | First news | 2017 | GT |
| Longman Preparation Series for the Toeic Test | Lin Loughed | Pearson | 2018 | TLTK |

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

| TT | Nội dung tham khảo | Link trang web | Ngày cập nhật |
|----|--------------------|---|---------------|
| 1 | English exercises | https://agendaweb.org/ | 07/2018 |
| 2 | TOEIC exercises | https://tienganhmoingay.com/de-thi-toeic/ | 07/2018 |

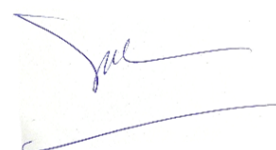
9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

| TT | Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH | Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH | | Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương |
|----|---------------------------------------|---|----------|-------------------------------------|
| | | Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,... | Số lượng | |
| 1 | Giảng đường | | | |
| 2 | Phòng mô phỏng | | | |

Bình Dương, ngày 31 tháng 7 năm 2018

P. Trưởng khoa



Lê Thị Hiền